

2. Về phương diện thư tịch chữ Hán: Các giả thiết có trước lại đã căn cứ vào các bản văn Cửu trù hồng phạm và Nguyệt lệnh hiện lưu truyền bằng chữ Hán mà cho rằng đó là thành tựu văn hoá của Hán tộc. Nhận định này cũng chỉ là chấp nhận hiện tượng, về bản chất còn có chỗ để bàn.

Ta chẳng còn phải suy nghĩ thêm khi được biết nhiều nhà Trung Hoa học cận đại và hiện đại đã cho rằng lịch sử hình thành đế quốc Trung Hoa phong kiến là lịch sử thôn tính. Các dân tộc đi thôn tính là vùng chăn nuôi du mục ở phương bắc, các dân tộc bị thôn tính là vùng định cư, chăn nuôi, trồng trọt ở trung nguyên và phía nam. Có lẽ đây cũng là một sự đồng dạng với lịch sử quan hệ giữa các nước trên thế giới. Ngày nay người ta gọi quan hệ bắc nam là quan hệ xâm lược và bóc lột, quan hệ nam nam là quan hệ hỗ trợ. Trong lịch sử Trung Hoa xưa, do sợ các dân tộc bị thôn tính có nền văn minh cao hơn sẽ nổi dậy chống đối, kẻ đi thôn tính thường mang theo những cuộc huỷ diệt văn hoá. Những cuộc huỷ diệt văn hoá lớn mà lịch sử Việt Nam đã ghi lại là giặc Ân (tức nhà Thương) rồi giặc Nguyên đến giặc Minh, khi xâm lược nước Việt Nam đã đốt sách, chôn sống thầy đồ... Các dân tộc phía nam lục địa Trung Hoa trước khi trở thành một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc Trung Hoa ngày nay, cũng đã trải qua số phận như dân tộc Việt Nam, sách vở bị đốt, chỉ được phép để lại sách thuốc và sách bói.

Lịch sử Trung Quốc ghi nhận rằng nhà Chu, triều đại thay thế nhà Thương, sau khi ổn định xã hội, trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp phát đạt, đời sống văn hoá đòi hỏi ngày càng phải nâng cao, nhà vua đã cho sưu tầm và ghi chép thành văn những thành tựu khoa học trước đó. Loại văn tự đã dùng là loại chữ tượng hình. Loại văn tự tượng hình này lúc đầu ghi chép trên mu rùa và xương trâu bò cho nên gọi là giáp cốt tự, mục đích dùng để ghi chép các phương pháp bói toán. Sau này cải tiến chữ về hình thức và được viết trên những thanh tre vót mỏng và những mảnh da thú đã nạo mỏng. Thời Chiến quốc ngài Khổng Phu Tử và sau đó là các nho gia dùng loại văn tự để ghi chép những sưu tập gọi là tứ thư, ngũ kinh. Ngài đem truyền bá trong thiên hạ những thứ đó, cùng với các nguyên tắc xây dựng xã hội, nguyên tắc xử sự trong quan hệ con người với con người, từ đó đạo của Ngài được người đời gọi là đạo Nho, loại chữ viết đó

được gọi là chữ Nho, tức là đạo và chữ của những người có nghề làm lúa nước; chữ nho gồm có các bộ phận tượng hình cấu thành là: nhân đứng nghĩa là người, nhi là cái bừa, ở dưới, vũ là mưa ở trên. Đến đời Hán, chữ viết được cải tiến đến độ hoàn chỉnh về cấu tạo và có sự thuận tiện trong khi viết, lại có độ thẩm mỹ cao, từ đó thường được gọi là chữ Hán.

Mô tả về giai đoạn khoa học được ghi chép thành văn ở đời nhà Chu, sách "Trung Quốc Y học sử trung cấp giảng nghĩa" viết rằng: "Tây Chu mới bước đầu tiến vào xã hội phong kiến, kinh tế, văn hoá đều có được nâng cao, Đông Chu đã sử dụng sắt làm công cụ khiến cho nông nghiệp phát triển một bước rất cao, thủ công nghiệp đã có sự phân công rất tỷ mỉ, thương nghiệp cũng đã rất phát triển.

Do sự phát triển của nền kinh tế xã hội đã thúc đẩy tư tưởng học thuật tiến bước. Từ Xuân thu Chiến quốc trở lại, có một số ít người đại biểu cho các giai tầng, giai cấp khác nhau, trên chính trị, trên học thuật, đều đã đề xuất rất nhiều kiến giải khác nhau, đã tự phát hình thành cục diện "trăm nhà đua tiếng" đã xuất hiện cao trào văn hoá "trú thư lập ngôn" (làm sách để nêu quan niệm riêng của mình), thêm nhiều chất biện chứng duy vật luận, học thuyết âm dương - ngũ hành rất thịnh hành, càng làm cho các nhà y học cao minh có điều kiện tổng kết kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân lao động trường kỳ đấu tranh với bệnh tật,..." (sách Trung Quốc y học sử trung cấp giảng nghĩa - nhà xuất bản nhân dân vệ sinh xuất bản xã - Bắc kinh, 1962 - 1965 trang 7 và 8).

Những bộ sách ra đời ở thời kỳ này có nói về âm dương - ngũ hành là "Chu lễ", "Lễ ký", "Chu dịch", và đặc biệt là "Hoàng đế Nội kinh".

Chúng ta lần lượt xét các th tịch này ở ba mặt: Nội dung, tác giả, hình thức bố cục và dẫn giải.

a. Về nội dung: ở phần thứ hai lớn trước, chúng ta đã có dịp phân tích nội dung ngũ hành trong các bản văn và đã đi đến kết luận đó là những quy luật chặt chẽ và phong phú.

Đặc biệt là ở Hoàng đế Nội kinh, sự phong phú, tỷ mỉ, ở các khía cạnh tương ứng tới các phần nhỏ trong cơ thể, tới các khí chất, tính cách, các hoạt động công năng của cơ thể con người, nhất nhất không ngoài quan hệ tương ứng

với ngũ hành kể cả ở nội môi và với ngoại môi. Trong các sách còn lại, phần nói về ngũ hành quan hệ với thể chế, quan hệ với trời, vua, cũng như các hoạt động của vua với thời tiết khí hậu, thuận tự của ngũ hành với thuận tự của các triều đại v.v... đều là những ý tưởng gò gẫm, chủ quan, không có căn cứ khoa học, cho nên hậu quả là những ý tưởng đó đã trở thành không tưởng, mê tín, phản lại quyền lợi của con người. Nó được đưa ra thi hành trong đời sống do ý thức thống trị của giai cấp phong kiến. Vì họ muốn lợi dụng tính chất chặt chẽ của quy luật ngũ hành trong các mối quan hệ ở tự nhiên giới, họ giải thích rằng vua là con trời, con trời sẽ thay trời điều kiện mọi hoạt động của muôn dân. Khi ông vua hành động thuận theo quy luật, đời sống xã hội được ổn định, ông vua được coi là minh quân. Khi ông vua hành động trái quy luật, gây thiệt hại cho con dân, cho đất nước thì lại đổ cho trời cái tội đã trừng phạt cả một dân tộc, một đất nước đó. Qua những ý tưởng của giai cấp phong kiến, bản chất vật chất của quy luật ngũ hành, sự tương tác trong tự nhiên giới bị lu mờ đi, có chỗ sai lạc tưởng như mất hẳn, do đó, ta có thể nói rằng ý tưởng cho ngũ hành là quy luật của xã hội học, của triết học là một nhận thức sai lầm.

b. Về tác giả: Trước hết, ta có thể nói ngay rằng vấn đề tác giả của các bản văn Trung Quốc nói về ngũ hành đều là khuyết danh.

Khi bàn về tác giả thiên Hồng phạm, ông Phùng Hữu Lan đã viết: "Truyền thuyết cho biết rằng thiên "Hồng phạm" thuật lại lời Cơ Tử cáo với vua Vũ nhà Chu, Tử là một vương hầu nhà Thương, bị vua Vũ lật đổ vào cuối thế kỷ XII trước tây lịch. Trong bài cáo, Cơ Tử cho những ý nghĩ của mình là của vua Vũ, người sáng lập nhà Hạ, theo truyền thuyết sống vào thế kỷ XXII trước tây lịch"...

Đến thiên "Nguyệt lệnh", ông Phùng Hữu Lan chỉ đưa được các bản văn có ghi nội dung đó mà không đưa ra được tên một âm dương gia nào đã phát minh ra nó, ông viết:

"Sau thiên trọng phạm", tài liệu trọng yếu nhất của âm dương gia là thiên "Nguyệt lệnh". Thiên này trước hết thấy chép ở sách Lã thị xuân thu, tác phẩm vào cuối thế kỷ thứ ba trước tây lịch, về sau, thiên ấy được đưa vào sách Lễ ký..."

Về tác giả Kinh dịch ông Phùng Hữu Lan đã viết như sau: "Theo truyền thuyết, thì Phục Hi, ông vua hoang đường đầu tiên của Trung Hoa trước cả Hoàng đế, được coi là đã đặt ra tám quẻ. Theo vài học giả, chính Phục Hi đã chôn tám quẻ thành sáu mươi bốn quẻ, theo những người khác, thì đó là công việc của Văn Vương, vào thế kỷ thứ XII trước tây lịch, theo những người về sau này, vua Văn viết lời giải thích về quẻ, còn lời giải thích về hào là việc của Chu Công, người con nổi tiếng của Văn Vương. Đúng hay sai, những lời ấy chứng tỏ sự chú ý đặc biệt của người Trung Hoa đối với bát quái và sáu mươi bốn quẻ, "... Theo lời mô tả của ông giáo sư Phùng, chúng ta hãy xếp tác giả Kinh dịch vào hàng khuyết danh chắc là phải nhất.

Về tác giả bộ sách sớm nhất trong lịch sử y học Trung Quốc là bộ "Nội kinh", sách Trung Quốc y học sử trung cấp giảng nghĩa viết:

Thời kỳ "Xuân thu Chiến quốc", chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá, đều có phát triển mới, thêm vào đó, trăm nhà đua tiếng, ảnh hưởng của không khí học thuật tràn lan, trên khách quan cũng là yêu cầu của y gia đương thời thấy cần phải lấy thực tế chứng minh, đem kinh nghiệm và lý luận y học trước thời Chiến quốc gọt giũa thành một thứ hệ thống tổng kết, tiến lên một bước chỉ đạo thực tiễn chữa bệnh, "Hoàng đế Nội kinh" là loại sản phẩm trong thực tế cần thiết đó. "Hoàng đế Nội kinh" là một bộ sách có tính tổng kết sớm nhất trong văn hiến y học hiện còn ở nước ta, nó đại ước là được viết thành ở thời đại Xuân thu Chiến quốc, mượn tên tác phẩm của Hoàng đế, cho nên gọi là "Hoàng đế Nội kinh". Xét về mặt nội dung của nó thì không thể là trước tác của một cá nhân, ..." Như thế, Hoàng đế Nội kinh đã rõ là không có tác giả cụ thể.

Các trước tác khác như Lạc thư, Hà đồ cũng đều không có tác giả cụ thể.

c. Về bố cục: Cách bố cục các bản văn có nội dung ngũ hành như đã nêu trên thường theo lối mượn lời, như: Lời cáo của bầy tôi với vua (Hồng phạm), mệnh lệnh của nhà vua với thần dân (Nguyệt lệnh), trời trao cho vua qua các con vật thiêng (Lạc thư, Hà đồ), vua hỏi và bầy tôi trả lời (Nội kinh Tố vấn), truyền thuyết về Kinh dịch với ông vua Phục Hi

d. Về lời dẫn giải: Lời dẫn giải nội dung ngũ hành trong các bản văn ta thấy có hai xu hướng rõ rệt, một xu hướng lấy quy luật tự nhiên và các mối quan hệ của nó để giải thích ngũ hành; một xu hướng lấy uy lực và ý đồ sắp xếp của ông trời để dẫn giải ngũ hành. Trong bộ Nội kinh, người ta mượn những câu trả lời của Kỳ Bá để dẫn giải nội dung y học, y thuật rất cụ thể, tử mỹ theo quy luật ngũ hành vận động trong thế giới khách quan tự nhiên, hợp với sự phát triển của tự nhiên giới, cho nên tự nó tồn tại mấy nghìn năm mà không có thêm một lời bàn nào của các danh nhân các thời đại về sau. Ở tất cả các bản văn khác, tuy hình thức mang tải ngũ hành có khác nhau, lời dẫn giải có khác nhau đôi chút, nhưng chúng đều có chung một mục đích để người xem phải hiểu rằng quy luật ngũ hành do trời định, các thuận tự ngũ hành bất kể là trong thiên nhiên hay lịch sử xã hội đều do ý trời xếp đặt, không thể một ai trong cõi đời này đặt ra được. Do đó, không một ai được phép sửa lại, và tất nhiên là không một ai được quyền không tuân theo, kể cả những gì do nhà vua dựa vào đó mà thể chế hoá ra.

Trải suốt mấy nghìn năm lịch sử, không có một bản văn nào nói về bản chất của quy luật ngũ hành. Thản hoặc có một đôi người cố công muốn lý giải nó một cách tự nhiên, nhưng rốt cuộc những khía cạnh tự nhiên ấy cũng rất sơ sài và đã không tránh khỏi quan niệm gán tự nhiên với ý định của trời.

Có thể dẫn việc xếp vị trí các con số trong Lạc thư làm ví dụ: Lạc thư là một bảng số ma phương, nguồn gốc thật của Lạc thư chỉ là một bảng ghi nhận một loại ảnh hưởng của vũ trụ gây ra biến đổi khí hậu môi trường.

Cửu Cung theo chu kỳ 9 năm, tên gọi mỗi năm là một cung theo tên cung của bát quái. Năm đầu có ảnh hưởng tương tự như hệ quả của khí từ phương bắc tới, nên số (một) là cung khảm; năm thứ hai ảnh hưởng như cung khôn ở hướng tây nam tới nên mang số 2; năm thứ ba ảnh hưởng như hệ quả của khí từ phương đông tới, nên số 3 là cung chấn năm thứ tư ảnh hưởng như hệ quả của từ hướng đông nam tới, nên số 4 là cung tốn; năm thứ năm ảnh hưởng như hệ quả của khí từ hướng đông bắc tới, nhưng năm thứ năm mang số 5 lại ở giữa của chu kỳ cho nên người ta đã xếp ở giữa, giữa cũng thuộc về hành thổ, có tỷ lệ khí tổng cộng là trung bình; năm thứ sáu ảnh hưởng như hệ quả của khí từ hướng tây bắc tới,

nên số 6 là cung càn; năm thứ bảy ảnh hưởng như hệ quả của khí từ hướng tây tới nên số 7 là cung đoài; năm thứ tám ảnh hưởng như hệ quả của khí từ hướng đông bắc tới nên số 8 là cung cấn; năm thứ chín ảnh hưởng như hệ quả của khí từ hướng nam tới, nên số 9 là cung ly. Để tiện xem xét, người ta vẽ một hình có 9 ô, các ô ngăn cách nhau bằng một hình chữ thập (#), các con số biểu thị thứ tự của 9 năm được xếp vào các ô có vị trí theo phương hướng của hậu thiên bát quái như tôi vừa miêu tả ở trên.

Sự trùng lặp lạ lùng giữa nguyên tắc sắp xếp của Lạc Thư và Cửu cung vừa nêu trên với nguyên tắc của một bảng ma phương toán học nói chung, như: Nếu ta đem cộng tất cả các con số của từng hàng ngang thì hàng nào ta cũng có kết quả bằng con số 15. Ta lại đem cộng tất cả các con số của từng hàng dọc thì hàng nào cũng có kết quả bằng con số 15, Cuối cùng, ta đem cộng các con số của từng hàng chéo góc ta lại cũng được kết quả bằng con số 15. Sự trùng lặp ấy chỉ có thể giải thích đúng nhất là trở lại với sự cân bằng âm dương trong tổng thể, trong đó mỗi vị trí là một bộ phận của một tổng thể.

Ta trở lại vấn đề tổng tỷ lệ âm dương (nhiệt và ẩm) của khí theo hướng gió chưa qua tương tác âm dương để xem xét.

Nếu đem xếp các hướng gió theo hàng ngang ta có:

- Bên trái phía trên là hướng đông nam, cung tốn, nhiệt 75%, ẩm 75% tổng số 150%.
- Chính giữa phía trên là hướng nam, cung ly, nhiệt 100%, ẩm 50%, tổng số 150%;
- Bên phải phía trên là hướng tây nam, cung khôn, nhiệt 75%, ẩm 25%, tổng số 100%.
- Bên trái, hàng giữa là hướng đông, cung chấn, nhiệt 50%, ẩm 100% tổng số 150%.
- Chính giữa hàng giữa là trung ương, nhiệt 50%, ẩm 50%, tổng số 100%.
- Bên phải hàng giữa là hướng tây, cung đoài, nhiệt 50%, ẩm 0% tổng số 50%.

- Bên trái hàng dưới là hướng đông bắc, cung cấn, nhiệt 25%, ẩm 75% tổng số 100%.

- Chính giữa hàng dưới là hướng bắc, cung khảm, nhiệt 0%, ẩm 50%, tổng số 50%.

- Bên phải hàng dưới là hướng tây bắc, cung càn, nhiệt 25%, ẩm 25% tổng số 50%.

Sơ đồ tỷ lệ khí theo hình ma phương như sau (Hình 3-15)

| | | | | |
|--------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|----------------------------|
| | đông nam | nam (hoả) | tây nam | Thổ = 400 |
| đông (mộc) | 150% | 150% | 100% | tây (kim) = 300 =200 |
| | 150% | 100% | 50% | |
| | 100% | 50% | 50% | |
| Thổ đường chéo 300 | đông bắc đọc 400 | bắc (thủy) đọc 300 | tây bắc đọc 300 | đường chéo 300 |

Hình 3-15

Ta tiến hành cộng kiểu ma phương những hành tỷ lệ khí, ta có kết quả như nhau:

- Hàng dọc giữa, từ nam qua trung ương đến bắc: $150 + 100 + 50 = 300$.
- Hàng ngang giữa, từ đông qua trung ương đến tây: $150 + 100 + 50 = 300$.
- Hàng chéo, từ đông nam qua trung ương đến tây bắc: $150 + 100 + 50 = 300$.
- Hàng chéo, từ tây nam qua trung ương đến đông bắc: $150 + 100 + 50 = 300$.

Chỉ có các đường ngang trên, ngang dưới và đường dọc bên trái, dọc bên phải khi cộng con số không phải là 300.

Ở trong bảng này, nếu ta đổi vị trí và tỷ lệ của đông nam 150 sang tây bắc, ở đông nam nhận tỷ lệ của tây bắc 50 thì toàn bộ bảng sẽ là một bảng ma phương hoàn chỉnh, ở tất cả hàng dọc, ngang, chéo, tổng số sẽ đều là con số 300.

Ta hãy xem bảng đã đổi vị trí và tỷ lệ như sau (Hình 3-16)

| | đông nam | nam | tây nam | |
|-------------------|------------|------------|------------|-------------------|
| ngang | 50 | 150 | 100 | =300 |
| đông, ngang | 150 | 100 | 50 | =300 tây |
| ngang | 100 | 50 | 150 | =300 |
| | đông bắc | bắc | tây bắc | |
| đường chéo 300 | đọc 300 | đọc 300 | đọc 300 | đường chéo 300 |

Hình 3-16

Và đây là bảng ma phương Lạc thư để so sánh (Hình 3-17):

| | đông nam | nam | tây nam | |
|------------------|-----------|-----------|-----------|------------------|
| đông | 4 | 9 | 2 | ngang=15 |
| | 3 | 5 | 7 | tây ngang=15 |
| | 8 | 1 | 6 | ngang=15 |
| | đông bắc | bắc | tây bắc | |
| đường chéo 15 | đọc 15 | đọc 15 | đọc 15 | đường chéo 15 |

Hình 3-17

So sánh bảng tỷ lệ khí của ngũ hành phương hướng đã đổi vị trí và tỷ lệ khí với bảng Lạc thư, ta thấy tính chất của chúng hoàn toàn giống nhau, đó chính là nội dung cân bằng, hài hoà âm dương trong cùng một tổng thể.

So sánh bằng tỷ lệ khí theo phương hướng mặt đất với vị trí của Lạc thư thì có chỗ khác nhau và chỉ đúng một nửa của bảng ma phương, vì có một vị trí bị thay đổi tỷ lệ khí. Ở đây ta có thể hiểu rằng bảng ghi nhận thứ tự số của Lạc thư trở thành ma phương, trong đó mỗi con số của thứ tự là một bộ phận tỷ lệ âm dương để làm nên cái tổng thể hài hoà, nó đã phải qua tương tác âm dương như đã trình bày ở phần Lạc thư.

Thế nhưng những người Trung Hoa xưa chỉ bám lấy tính chất chặt chẽ của bảng ma phương mà dẫn giải rằng sự sắp xếp đó chỉ do trời định mới thành.

Ngoài bảng Lạc thư và chu kỳ 9 năm gọi là cửu cung ra, còn có một chu kỳ 10 được xếp thứ tự và phương hướng gần như Lạc thư, số 10 người ta xếp vào trung cung cùng với tính chất số 5 của Lạc thư, gọi đó là Hà đồ.

Cách giải thích về các con số trong Lạc thư và Hà đồ được người Trung Hoa xưa gọi là "Tượng số học", số lẻ được coi là số trời, số chẵn là số đất.

Trong sách Đại cương triết học sử Trung Quốc, ông Phùng Hữu Lan viết về tượng số học như sau:

"Bên cạnh quan niệm âm dương, còn có tư tưởng trọng yếu khác trong "Dịch truyện", là quan niệm về số. Vì người xưa thường coi bói toán là phép tiết lộ bí mật của vũ trụ và vì phép bói bằng cỏ thi căn cứ trên sự tổ hợp của nhiều số, nên ta không lạ gì mà thấy các tác giả khuyết danh trong "Dịch truyện" có xu hướng tin rằng bí ẩn của vũ trụ có thể nhìn thấy trong các con số. Bởi thế, theo họ số dương bao giờ cũng lẻ và số âm bao giờ cũng chẵn. Cho nên ta đọc thấy trong "Hệ từ": Trời một, đất hai, trời ba, đất bốn, trời năm, đất sáu, trời bảy, đất tám, trời chín, đất mười, số trời năm, số đất năm. Năm ngôi tương đắc là mỗi cái trùng hợp, số trời là hai mươi lăm, số đất là ba mươi, số trời số đất là năm mươi lăm, do đó mà biến hoá mà quỷ thần hành động vậy".

"Về sau, âm dương gia cố nối liền ngũ hành với âm dương bằng các số. Cho nên phái ấy chủ trương rằng một là số trời, sinh thủy, và sáu là số đất bổ túc. Hai số đất sinh hỏa, và bảy số trời bổ túc. Ba, số trời, sinh mộc, và tám, số đất, bổ túc. Bốn, số đất sinh kim, và chín, số trời, bổ túc. Năm, số trời, sinh thổ, và mười, số đất, bổ túc. Xem Trịnh Huyền (127-200 sau tây lịch). Lời chú thích "Nguyệt lệnh" trong sách Lễ ký thiên 4), "... (trang 147 sách đại cương triết học sử Trung Quốc).

Sau khi đã sơ bộ điếm qua tình hình của các phần cần xem xét là về tác giả, về bố cục, về lời dẫn giải, ta có thể đặt ra các câu hỏi như sau:

Tại sao các bản văn Hồng phạm, Nguyệt lệnh, Kinh dịch nguyên thủy, Lạc thư, Hà đồ không có tác giả?, - Tại sao chỉ riêng Nội kinh lại có tác giả là Hoàng đế và Kỳ Bá?, Tại sao phần âm dương ngũ hành ở tác phẩm Hoàng đế Nội kinh lại không có một học giả phong kiến Trung Quốc nào dẫn giải sai lạc đi?.. Như Dương Kế Châu là một danh y đời Minh cũng chỉ có trích đoạn nguyên văn về học thuyết ngũ hành, cửu cung, bát quái ở đó để đưa vào sách Châm cứu đại thành của mình mà không có lấy một lời dẫn giải gì ngoài nội dung đó. Trong khi, về những bản văn không có tác giả kể trên, các học giả phong kiến Trung Hoa xưa đã thả sức suy tưởng theo hướng quy tụ về cho trời đất. Coi sự thuận tự của quy luật, cũng như những mối quan hệ nội tại khác của quy luật là do trời định, và do đó được đem vận dụng vào công cuộc cai trị xã hội.